BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BẢNG ĐỐI SÁNH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH**

**NGÔN NGỮ ANH TIẾP CẬN CDIO**

**Đơn vị: SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**NGHỆ AN, THÁNG 1/2021**

# MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
|  | Trang |
| Thông tin chung về ngành Ngôn ngữ Anh ..……………. | 1 |
| Mục tiêu đào tạo……………………………………. | 1 |
| Đối sánh mục tiêu chương trình đào tạo ....…………………. | 3 |
| Chuẩn đầu ra………………………………………... | 7 |
| Đối sánh Chuẩn đầu ra………………………………………. | 11 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH** |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**(VỀ MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA)**

**1. Thông tin chung về ngành Ngôn ngữ Anh**

1. Tên ngành

Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English Linguistics

2. Mã số ngành đào tạo: 7220201

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Art in English Linguistics

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

7. Chương trình đối sánh: Ngành Ngôn ngữ Anh thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG, Đại học Hồng Kông (University of Hong Kong)

**2. Mục tiêu đào tạo**

***2.1. Mục tiêu tổng quát***

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng viên dự án, truyền thông và năng lực giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

* **Mục tiêu 1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và CNTT, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu vào hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông.
* **Mục tiêu 2:** Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong môi trường làm việc đa văn hóa.
* **Mục tiêu 3:** Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.
* **Mục tiêu 4:** Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án và truyền thông trong môi trường xã hội và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

**3. Đối sánh mục tiêu chương trình đào tạo**

**BẢNG 1: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU VỚI SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, TRIẾT LÝ GD CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ VỚI VĂN BẢN NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Dự thảo Mục tiêu chương trình đào tạo** | **Đối sánh với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý GD của Nhà trường, các văn bản của Nhà nước** | | |
| Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh | Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN-VPQH) | Mô tả nội dung trình độ Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) |
| **Mục tiêu tổng quát** | Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng viên dự án, truyền thông và năng lực giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. | - Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân  - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,…dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.” | - Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học:  “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;” | - Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng quốc gia (Bậc 6 - Đại học) |
| **Mục tiêu cụ thể** | Mục tiêu 1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và CNTT, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu vào hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông.  Mục tiêu 2: Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong môi trường làm việc đa văn hóa.  Mục tiêu 3: Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.  Mục tiêu 4: Hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án và truyền thông trong môi trường xã hội và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. | - Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân  - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,…dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.” | - Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học:  “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;” | - Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng quốc gia (Bậc 6 - Đại học) |

**BẢNG 2: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU CTĐT CỦA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH VỚI VỚI CÁC TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trường** | **Trường Đại học Vinh** | **Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN** | **Đại học Hồng Kông (The University of Hong Kong)** | **Phân tích đối sánh** |
| **Mục tiêu** | Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có (1) kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong môi trường làm việc đa văn hóa (3) có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp (4) có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai và phát triển hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. | Chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có khả năng thích ứng cao, có kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu); được trang bị tri thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của các nước nói tiếng Anh, cùng với kiến thức nền tảng trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, quản trị văn phòng, quốc tế học và ngôn ngữ học ứng dụng; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, phân tích, tư duy phản biện, xác định và giải quyết vấn đề trong các bối cảnh khác nhau); có những kỹ năng bổ trợ như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong công việc; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước và quốc tế, nơi tiếng Anh được sử dụng như một ngôn ngữ chính hoặc ngôn ngữ thứ hai; có kiến thức rộng về xã hội, văn hóa, lịch sử của các quốc gia nói tiếng Anh; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ, biên phiên dịch, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa, hoặc làm việc trong các tổ chức giáo dục, truyền thông và đối ngoại. | Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo English Studies trở thành những chuyên gia có khả năng (1) phân tích và nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ, văn học và văn hóa tiếng Anh thông qua nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau, đồng thời vận dụng kiến thức vào thực tế trong các lĩnh vực như truyền thông, giáo dục, xuất bản và nghiên cứu ngôn ngữ; (2) thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về văn học và ngôn ngữ học tiếng Anh, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng biểu đạt thông qua các bài viết học thuật, tranh luận và nghiên cứu độc lập; (3) giao tiếp hiệu quả với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau, đồng thời phân tích các vấn đề ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ và toàn cầu hóa; và (4) phát triển như những nhà tư tưởng sáng tạo và phản biện với các tiêu chuẩn cao về đạo đức, cũng như duy trì tinh thần học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi trong lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa. | Mục tiêu đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Vinh và Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN có sự tương thích, tương đồng, đặc biệt về năng lực tiếng Anh, kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực nghề nghiệp theo định hướng của ngành đào tạo. Cả hai chương trình đều nhấn mạnh đến khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo (tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam), khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện và ứng dụng ngôn ngữ vào các lĩnh vực thực tiễn như biên phiên dịch, quản trị văn phòng, truyền thông và giáo dục.  Mục tiêu đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Vinh và Đại học Hong Kong (HKU) có sự tương đồng về kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng phân tích, nghiên cứu ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ và toàn cầu hóa. Tuy nhiên, chương trình của HKU được thiết kế theo mô hình giáo dục khai phóng phương Tây, nhấn mạnh tư duy phản biện, khả năng tự học, tầm nhìn toàn cầu và tính đa văn hóa. Trong khi đó, chương trình của Trường Đại học Vinh tiếp cận theo định hướng ứng dụng CDIO, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành, giải quyết vấn đề và thích nghi với môi trường doanh nghiệp. Dù vậy, mục tiêu đào tạo của Đại học Vinh vẫn có sự đối sánh phù hợp với chương trình của HKU, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận với xu hướng đào tạo hiện đại và nâng cao khả năng hội nhập quốc tế. |

**4. Dự thảo Chuẩn đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0)**  **(Trước khi Ngành điều chỉnh)** | | **NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (v2.0)**  **( Sau khi Ngành điều chỉnh)** |
| **TT** | **Chủ đề chuẩn đầu ra** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** |
|  | ***Sinh viên sau khi tốt nghiệp* ngành Ngôn ngữ Anh** | ***Sinh viên sau khi tốt nghiệp* ngành Ngôn ngữ Anh** |
| **1** | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |
| **1.1** | **Kiến thức cơ bản** | *1.1.1. Vận dụng* kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động nghề nghiệp  *1.1.2. Nhận diện* được những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhấp quốc tế của đất nước  *1.1.3. Vận dụng* kiến thức về công nghệ thông tin vào công việc, học tập, nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số |
| **1.1.1** | *Nhận biết* những vấn đề cơ bản về lý luận chính trị |
| **1.1.2** | *Vận dụng* kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp |
| **1.1.3** | *Sử dụng* công nghệ thông tin trong học tập,nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp |
| **1.1.4** | *Hiểu* những vấn đề cơ bản về các nhánh của ngôn ngữ học |
| **1.1.5** | *Hiểu biết* những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp |
| **1.2.** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |
| **1.2.1** | *Vận dụng* kiến thức tiếngAnh tổng quát ở Bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong hoạt động nghề nghiệp | *1.2.1. Vận dụng* kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức lý luận ngôn ngữ Anh vào các hoạt động biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông  *1.2.2. Vận dụng* kiến thức về giao tiếp giao văn hóa, văn học, lịch sử, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài              ***1****.3.1. Vận dụng* kiến thức biên-phiên dịch để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch ở cấp độ văn bản, ngôn bản  *1.3.2. Áp dụng* các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp, môi trường giao tiếp đa văn hóa  *1.3.3. Áp dụng* kỹ năng, nghiệp vụ về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành trong lĩnh vực du lịch, hành chính văn phòng, truyền thông, xây dựng dự án |
| **1.2.2** | *Vận dụng* kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp |
| **1.2.3** | *Vận dụng* phương pháp, chiến lược giao tiếp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa |
| **1.2.4** | *Áp dụng* kiến thứcvăn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội các quốc gia nói tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp |
| **1.2.5** | *Sử dụng* kiến thức văn học Anh trong hoạt động Biên dịch |
| **1.2.6** | *Thực hiện* các nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp |
| **1.3** | **Kiến thức chuyên ngành** |
| **1.3.1** | *Vận dụng* kiến thức Biên-phiên dịch để thực hiện các nhiệm vụ Biên-phiên dịch ở cấp độ văn bản, ngôn bản |
| **1.3.2** | *Vận dụng* kiến thức lý luận ngôn ngữ Anh trong hoạt động nghề nghiệp |
| **1.3.3** | *Áp dụng* các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường kinh doanh |
| **1.3.4** | *Vận dụng* kỹ năng thuộc một trong năm lĩnh vực đặc thù (du lịch, hành chính văn phòng, marketing, truyền thông hoặc xây dựng dự án) trong hoạt động nghề nghiệp |
| **2** | **KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP** | **KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP** |
| **2.1** | Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp | ***2****.1.1. Vận dụng* tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo vào thực hiện các nhiệm vụ biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn  *2.1.2. Vận dụng* thành thạo kỹ thuật, phương pháp, quy trình triển khai hoạt động nghề nghiệp  *2.1.3. Vận dụng* kỹ năng lựa chọn, phân tích, xử lý thông tin và phản hồi, đánh giá hiệu quả hoạt động nghề nghiệp  2.1.4. Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. |
| **2.1.1** | *Xác định* và nêu vấn đề |
| **2.1.2** | *Phân tích* vấn đề |
| **2.1.3** | *Triển khai* giải pháp và khuyến nghị |
| **2.2** | Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức |
| **2.2.1** | *Xây dựng* giả thuyết nghiên cứu |
| **2.2.2** | *Thực hiện* khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử |
| **2.2.3** | *Điều tra* qua thực nghiệm |
| **2.2.4** | *Kiểm tra* và bảo vệ giả thuyết |
| **2.3** | Tư duy hệ thống |
| **2.3.1** | *Tư duy* tổng thể của các yếu tố trong bối cảnh nghề nghiệp |
| **2.3.2** | *Suy xét* mối tương quan và tương tác giữa các yếu tố |
| **2.3.3** | *Sắp xếp* các yếu tố theo thứ tự ưu tiên |
| **2.3.4** | *Giải quyết* cân bằng giữa các yếu tố |
| **2.4** | Thái độ, tư tưởng và học tập | ***2****.2.1. Thể hiện* tôn trọng sự khác biệt, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp  *2.2.2. Thể hiện* tinh thần dám đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp để tạo việc làm cho mình và cho người khác |
| **2.4.1** | *Thể hiện* tính chủ động và sẵn sàng đưa ra quyết định |
| **2.4.2** | *Thể hiện* tính kiên trì, quyết tâm, linh hoạt |
| **2.4.3** | *Thể hiện* khả năng tư duy sáng tạo |
| **2.4.4** | *Thể hiện* khả năng tư duy phản biện |
| **2.4.5** | *Thể hiện* khả năng tự nhận thức, siêu nhận thức và tích hợp kiến thức |
| **2.4.6** | *Thể hiện* khả năng tự học và rèn luyện suốt đời |
| **2.4.7** | *Thể hiện* khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực |
| **2.5** | Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác |
| **2.5.1** | *Thể hiện* các phẩm chất đạo đức, sự liêm chínhvàtrách nhiệm xã hội |
| **2.5.2** | *Thể hiện* cách hành xử chuyên nghiệp |
| **2.5.3** | *Thể hiện* tầm nhìn chủ động và có kế hoạch cho cuộc sống |
| **2.5.4** | *Cập nhật* tri thức trong lĩnh vực nghề nghiệp |
| **2.5.5** | *Thể hiện* sựcông bằng và thái độ tôn trọng sự đa dạng |
| **2.5.6** | *Thể hiện* niềm tin và lòng trung thành |
| **3** | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |
| **3.1** | **Kỹ năng làm việc nhóm** | ***3****.1.1. Vận dụng* kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác với đồng nghiệp và đối tác  *3.1.2. Vận dụng* kỹ năng làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp |
| **3.1.1** | *Thành lập* nhóm có khả năng làm việc hiệu quả |
| **3.1.2** | *Triển khai* hoạt động nhóm |
| **3.1.3** | *Duy trì và phát triển* hoạt động nhóm |
| **3.1.4** | *Dẫn dắt* hoạt động nhóm |
| **3.1.5** | *Xây dựng và phát triển* các nhóm chuyên môn và đa ngành |
| **3.2** | **Kỹ năng giao tiếp** | *3.2.1. Vận dụng* hiệu quả các chiến lược giao tiếp hữu ngôn và phi ngôn trong giao tiếp với đồng nghiệp và đối tác  *3.2.2. Sử dụng* hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng |
| **3.2.1** | *Vận dụng* cácchiến lược giao tiếp |
| **3.2.2** | *Thực hành* giao tiếp bằng văn bản |
| **3.2.3** | *Thực hành* giao tiếp điện tử và đa phương tiện |
| **3.2.4** | *Thực hành* giao tiếp thông qua hình ảnh và đồ họa |
| **3.2.5** | *Sử dụng* kỹ năng thuyết trình hiệu quả |
| **3.3** | Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ khác | *3.2.3. Sử dụng* ngoại ngữ 2 bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp và hoạt động phát triển chuyên môn *trong môi trường đa văn hóa* |
| **3.3.1** | *Sử dụng* tiếng Pháp bậc 3 (Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp |
| **4** | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG (C), XÂY DỰNG (D), THỰC HIỆN (I) VÀ PHÁT TRIỂN (D) HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC** | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP** |
| **4.1** | Hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành đào tạo | ***4****.1.1. Phân tích* bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp trước xu thế hội nhập quốc tế của đất nước  *4.1.2. Phân tích* nhu cầucủa xã hội và doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước            ***4****.2.1. Xác định* mục tiêu và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp  *4.2.2. Thiết kế* hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận theo tu duy hệ thống  *4.2.3. Triển khai* hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp  *4.2.4. Cải tiến* hoạt động nghề nghiệpthích ứng với sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội |
| **4.1.1** | *Nhận thức* vai trò và trách nhiệm của cử nhân Ngôn ngữ Anh |
| **4.1.2** | *Xác định* tác động của ngôn ngữ Anh đối với xã hội |
| **4.1.3** | *Hiểu biết* các quy định liên quan đến hoạt động nghề nghiệp |
| **4.1.4** | *Hiểu biết* bối cảnh lịch sử, văn hóa và các giá trị cốt lõi của dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế |
| **4.2** | Hiểu biết bối cảnh tổ chức |
| **4.2.1** | *Hiểu biết* sự đa dạng văn hóa của tổ chức |
| **4.2.2** | *Nhận biết* sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức |
| **4.2.3** | *Hiểu* *biết* bối cảnh kinh doanh/hoạt động của tổ chức |
| **4.3** | Hình thành ý tưởng hoạt động nghề nghiệp |
| **4.3.1** | *Xác định* nhu cầu và mục tiêu hoạt động nghề nghiệp |
| **4.3.2** | *Xác định* chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trìnhhoạt động nghề nghiệp |
| **4.3.3** | *Phác thảo* kế hoạchhoạt động nghề nghiệp |
| **4.4** | Xây dựng phương án hoạt động nghề nghiệp |
| **4.4.1** | *Xây dựng* phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp |
| **4.4.2** | *Phân tích* các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp |
| **4.4.3** | *Lựa chọn* phương pháp tiếp cận phù hợp |
| **4.5** | **Thực hiện** |
| **4.5.1** | *Triển khai* hoạt động nghề nghiệp |
| **4.5.2** | *Vận dụng* kiến thức và kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp |
| **4.5.3** | *Quản lý* quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp |
| **4.6** | **Phát triển** |
| **4.6.1** | *Phát hiện*, *giải quyết* vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp |
| **4.6.2** | *Đánh giá* hiệu quả hoạt động nghề nghiệp |
| **4.6.3** | *Phát triển* hoạt động nghề nghiệp |

**5. Đối sánh Chuẩn đầu ra**

**BẢNG 3: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI VĂN BẢN NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (v2.0)**  **( Sau khi Ngành điều chỉnh)** | **ĐỐI SÁNH với**  **Khung trình độ QGVN** |  |
| **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Chuẩn đầu ra trình độ đại học (Bậc 6)** |  |
| ***Sinh viên sau khi tốt nghiệp* ngành Ngôn ngữ Anh** | ***Sinh viên sau khi tốt nghiệp* Ngôn ngữ Anh** |  |
| **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |  |
| Kiến thức cơ bản  *1. Vận dụng* kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động nghề nghiệp  *2. Nhận diện* được những vấn đề cơ bản về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhấp quốc tế của đất nước  *3. Vận dụng* kiến thức về công nghệ thông tin vào công việc, học tập, nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số | - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.  - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| Kiến thức cơ sở ngành  *4. Vận dụng* kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức lý luận ngôn ngữ Anh vào các hoạt động biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông  *5. Vận dụng* kiến thức về giao tiếp giao văn hóa, văn học, lịch sử, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài. | - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.  - Kiến thức cơ bản về quản lý điều hành hoạt động chuyên môn |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| Kiến thức chuyên ngành  *6. Vận dụng* kiến thức biên-phiên dịch để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch ở cấp độ văn bản, ngôn bản  *7. Áp dụng* các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp, môi trường giao tiếp đa văn hóa  *8. Áp dụng* kỹ năng, nghiệp vụ về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, điều hành trong lĩnh vực du lịch, hành chính văn phòng, truyền thông, xây dựng dự án. | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| **KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP** |  |  |
| *9. Vận dụng* tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo vào thực hiện các nhiệm vụ biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn  *10. Vận dụng* thành thạo kỹ thuật, phương pháp, quy trình triển khai hoạt động nghề nghiệp  *11. Vận dụng* kỹ năng lựa chọn, phân tích, xử lý thông tin và phản hồi, đánh giá hiệu quả hoạt động nghề nghiệp  12. Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp  *13. Thể hiện* tôn trọng sự khác biệt, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp  *14. Thể hiện* tinh thần dám đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp để tạo việc làm cho mình và cho người khác | - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp  - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.  - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong các điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. |  |
| **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |  |  |
| *15. Vận dụng* kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác với đồng nghiệp và đối tác  *16. Vận dụng* kỹ năng làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp | - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm  - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm  - Hưỡng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ được xác định. |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| *17. Vận dụng* hiệu quả các chiến lược giao tiếp hữu ngôn và phi ngôn trong giao tiếp với đồng nghiệp và đối tác  *18. Sử dụng* hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng | Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| *19. Sử dụng* ngoại ngữ 2 bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp và hoạt động phát triển chuyên môn *trong môi trường đa văn hóa* | Ngoại ngữ thứ 2 tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam |  |
|  |
|  |
|  |
| **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP** |  |  |
| *20. Phân tích* bối cảnh của xã hội và doanh nghiệp trước xu thế hội nhập quốc tế của đất nước  *21. Phân tích* nhu cầucủa xã hội và doanh nghiệp đối với các lĩnh vực nghề nghiệp biên-phiên dịch, du lịch, hành chính văn phòng, xây dựng dự án, truyền thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước  *22. Xác định* mục tiêu và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp  *23. Thiết kế* hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận theo tu duy hệ thống  *24. Triển khai* hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp  *25. Cải tiến* hoạt động nghề nghiệpthích ứng với sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội. | - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể  - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động  - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.  - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.  - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm  - Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo |  |

**BẢNG 4. MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CĐR BẬC ĐẠI HỌC (BẬC 6) CỦA KHUNG TRÌNH ĐỘ QGVN VÀ CĐR CDIO CỦA CTĐT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. Kiến thức** | **B. Kỹ năng** | **C. Mức tự chủ và trách nhiệm** |
| A.1- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực đào tạo (CDIO1.2, 1.3)  A.2- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật (CDIO1.1)  A.3- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc (CDIO1.1)  A.4- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể (CDIO1.2)  A.5- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn (CDIO1.3) | B.1- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp (CDIO2.1)  B.2- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác (CDIO4.14.6)  B.3- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi (CDIO2.1, CDIO3.4)  B.4- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm (CDIO3.1).  B.5- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp (CDIO3.2).  B.6- Có năng lực ngoại ngữ bậc 5/6 chuyên ngữ; bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (CDIO3.3) | C.1- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm (CDIO2.4.1, CDIO2.4.2)  C.2- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định (CDIO3.1.4)  C.3- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân  C.4- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (CDIO4.14.6). |

**BẢNG 5. MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH VỀ CĐR CỦA CTĐT THEO THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT VÀ THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA**

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT | Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của AUN-QA (v.4.0) |
| Điều 5. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT | Tiêu chuẩn 1. Chuẩn đầu ra |
| 1.1.Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.  1.2.Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.  1.3.Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. | 1.1. The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the university, and are known to all stakeholders.  1.2. The programme to show that the expected learning outcomes for all courses are appropriately formulated and are aligned to the expected learning outcomes of the programme.  1.3. The programme to show that the expected learning outcomes consist of both generic outcomes (related to written and oral communication, problemsolving, information technology, teambuilding skills, etc) and subject specific outcomes (related to knowledge and skills of the study discipline).  1.4. The programme to show that the requirements of the stakeholders, especially the external stakeholders, are gathered, and that these are reflected in the expected learning outcomes.  1.5. The programme to show that the expected learning outcomes are achieved by the students by the time they graduate. |

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **NGƯỜI THỰC HIỆN** |